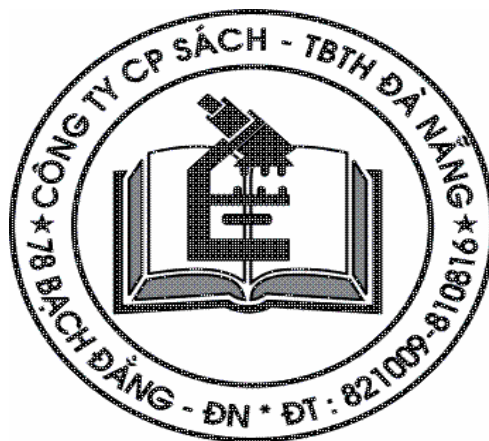


CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

***Kính gửi:* ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2009**



Đà Nẵng, tháng 4/2010

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **Năm 2009**

Tên công ty niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 78 Bạch Đằng, thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 05113 821009

Fax: 05113 834918

Mã chứng khoán: BED

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

- Quyết định thành lập số 26/2004/QĐ-UB ngày 24/02/2004 của UBND Thành phố Đà Nẵng "phê duyệt phương án cổ phần hóa, chuyển Công ty Sách và Thiết bị trường học ở địa phương thành Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng"

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000288 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 24/05/2004.

ở đăng ký thay đổi lần đầu ngày 20/06/2007 tăng vốn điều lệ 4,156 tỷ đồng.

ở đăng ký thay đổi lần đầu ngày 02/02/2009 v/v điều chỉnh tên gọi và số đăng ký giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của công ty số 0400465793 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp

Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25/05/2009 tăng vốn điều lệ 20 tỷ đồng.

Ngày giao dịch chính thức tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội : 21/10/2009

Quyết định chấp thuận niêm yết số 635/QĐ-SGDHN ngày 30/09/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Sách và Thiết bị trường học ở địa phương là doanh nghiệp Nhà nước ra đời theo Thông tư số 4/TT-TC ngày 10/06/1982 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam (cũ). Nhiệm vụ của Công ty là đáp ứng nhu cầu sách vở, thiết bị giảng dạy và học tập cho giáo viên và học sinh trên toàn bán đảo Quảng Nam. Mục tiêu ban đầu của Công ty là phục vụ cho công tác chuyên môn, phục vụ giáo dục nhà trường thông qua kinh doanh. Từ năm 1986 nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường hoạt động của Công ty dần mang tính chất kinh doanh và tăng cường phát huy hai nhiệm

vu^och^hnh tr^o Kinh doanh co^hhi^hqua^ova^oba^oam^o phu^ov^oti^olc^ong ta^ochuy^hn m^h cu^ong^hnh.

Th^oeh^h chu^otr^ong c^oph^h hoa^odoanh nghi^oph^h nha^on^oo^o, C^ong ty a^ox^oy d^ong ph^ong an^oc^oph^h hoa^ova^ongay^o 24/02/2004 UBND Thanh^oph^oo^o a^on^ong ra Quy^och^onh s^o26/2004/Qo^o-UB "ph^oduyet^o ph^ong an^o co^o ph^oan^o hoa^o, chuy^oen^o C^ong ty Sach^o va^oThi^otb^otr^ong hoc^oo^o a^om^ong thanh^o C^ong ty c^oph^h Sach^o va^oThi^otb^otr^ong hoc^oo^o Da^o Nang^o".

o^o co^o cach^o nh^on^o t^ong quang v^oqua^otr^onh ph^oat^otri^h cua^o C^ong ty, xin xem bang^o s^oli^om^ots^och^oti^ou^o c^onh ban^oqua cac^om^oth^ogian^o nh^osau:

o^o VT: tri^oti^ong

| TT | Ch ^o ti ^o u | 1995 | 2003 | 2006 | 2007 | 2008 | 2009 |
|----|---|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| 1 | Sah ^o l ^o ng (Tri ^o ti ^o ng trang in) | 972 | 1.506 | 1.365 | 1.753 | 1.413 | 875 |
| 2 | Doanh thu thu ^h | 28.641 | 49.573 | 61.068 | 65.945 | 72.435 | 72.092 |
| 3 | L ^o nhu ^h tr ^o thu ^o | 1.099 | 2.170 | 2.967 | 3.934 | 3.359 | 4.733 |
| 4 | NG Ta ^o sah ^o c ^o tr ^o | 4.139 | 19.426 | 24.533 | 26.708 | 46.419 | 51.487 |
| 5 | V ^o chu ^o s ^o tr ^o | 2.786 | 14.156 | 17.134 | 27.383 | 26.957 | 39.101 |
| 6 | Lao ^o ng | 200 | 238 | 239 | 245 | 243 | 237 |

2. o^o nh^ong ph^oat^otri^h:

o^o ba^oam^o mu^oti^ou^o th^ohi^h trong o^o i^o l^o C^ong ty: "thu^o loi^o nhu^oan, ta^o c^ong^h vi^olam^o nh^onh cho ng^oo^o lao^ong; t^ong l^o cho cac^oc^ong va^o ph^oat^otri^h C^ong ty ngay^o cang^o lon^o manh^o". C^ong ty o^onh h^ong k^ohoach^o ph^oat^otri^h kinh doanh nh^osau:

Muc^o tieu^o chu^o y^ou^o cua^o C^ong ty la^o ph^oat^otri^h thi^o truong^o ban^o le^o. Nang^o cao^o hieu^o qua^o cua^o hoat^ong^o san^o xu^oat^o kinh doanh.

Chi^ong l^ong ph^oat^otri^h trung^o va^o dai^o han^o:

Mo^o rong^o he^o thong^o ban^o le^o, tang^o thi^o phan^o tren^o dia^o ban^o thanh^o pho^o, tung^o buoc^o ph^oat^otri^h den^o cac^o tinh^o lan^o can^o.

Gi^ou^o vung^o thi^o truong^o truyen^o thong^o, ph^oat^otri^h thi^o truong^o moi^o, khai^o thac^o toi^o da^o san^o pham^o dich^o vu^o.

Da^o dang^o hoa^o san^o pham^o hang^o hoa^o, da^o dang^o hoa^o chung^o loai^o de^o thoa^o man^o toi^o da^o nhu^o cau^o cua^o khach^o hang^o.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị công ty:

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính của công ty tại thời điểm cuối năm 2009)

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009 của Công ty có những nét nổi bật như sau:

Về doanh thu và lợi nhuận : Doanh thu năm 2009 tương đương doanh thu năm 2008. Nhưng hiệu quả mang lại tăng cao hơn 40%. So với kế hoạch đề ra lợi nhuận cao hơn 1%.

Lợi nhuận thực hiện năm 2008: 3.359 tr VNĐ

Lợi nhuận kế hoạch năm 2009: 4.694 tr VNĐ

Lợi nhuận thực hiện năm 2009: 4.733 tr VNĐ

Lợi nhuận thực hiện năm 2009 tăng hơn 40% so với thực hiện năm 2008 là do một số nhân tố sau:

Về doanh thu:

Mặc dầu doanh thu tương đương nhưng trong cơ cấu doanh thu năm 2009 so với năm 2008 có sự thay đổi căn bản.

- Doanh thu từ hoạt động bán lẻ tăng cao . Năm 2008 bán lẻ chiếm tỷ trọng 43,48% trong tổng doanh thu, nhưng năm 2009 tỷ trọng bán lẻ được nâng lên 55,60%

- Tỷ trọng doanh thu bán sỉ, doanh thu từ hoạt động sản xuất năm 2009 giảm so với năm 2008 đến 17,02%.

- Tỷ trọng doanh thu từ hoạt động dịch vụ(cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc) từ 2,58% năm 2008 đã tăng lên 7,11% trong năm 2009.

Do sự thay đổi tỷ trọng theo hướng tích cực trên mà hiệu quả các hoạt động mang lại tăng thêm.

Về chi phí:

Năm 2009 do Chính phủ thi hành một số chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong giai đoạn khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế thế giới nên Công ty cũng được hưởng lợi từ một số chính sách.

- Thuế GTGT một số mặt hàng được giảm 50% mức thuế suất qui định nên góp phần kích cầu, kích thích người tiêu dùng.

- Việc Chính phủ cho giảm nợ thuế TNDN thêm 9 tháng đối với từng kỳ kê khai thuế đã giúp doanh nghiệp phần nào tháo gỡ khó khăn về nguồn vốn . Hỗ trợ tạm thời nguồn vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

- Do công ty nằm trong đối tượng được hưởng hỗ trợ lãi suất từ Chính phủ nên chi phí lãi vay thực tế phải trả trong năm 2009 của các kế ước vay nợ ngân hàng cũng được giảm.

- Về công tác quản trị Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp , biện pháp để giảm chi phí tối đa.

2. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới...)

Tháng 4 năm 2009 được sự cho phép của UBCK Nhà nước, công ty đã thực hiện thành công tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng. Nhưng lần tăng vốn này không tạo ra giá trị vốn thặng dư.

Ngày 21/10/2009 Công ty chính thức giao dịch phiên đầu tiên cổ phiếu của mình, với mã chứng khoán BED tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Với những nhân tố thuận lợi trên, năm 2009 công ty đã hoàn thành việc sửa chữa nâng cấp nhà làm việc tại 78 Bạch Đằng, ổn định đưa vào hoạt động Nhà sách Sơn Trà tại Quận Sơn Trà Đà Nẵng và đẩy mạnh hoàn thiện xây dựng nhà kho tại khu công nghiệp Hòa Cầm.

3. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu...)

Ở các địa phương như Hà Nội, Công ty tiếp tục chi đầu tư và phát triển các dự án sau:

Vấn đề và hình thức kinh doanh:

Tiếp tục phát triển mạng lưới bán lẻ, mở rộng các quầy huy động trong thành phố và thị trường ngoài thành phố. Xem bán lẻ là yếu tố quan trọng trong hoạt động và tăng hiệu quả kinh doanh. Phần lớn nguồn doanh thu bán lẻ chiếm 60% trong tổng doanh thu. (Tỷ trọng này năm 2007 là 42,83%, năm 2008 là 43,48% và năm 2009 là 55,60%).

Vấn đề và dịch vụ bán hàng:

Ở các địa phương như cửa hàng và phòng phục vụ khách hàng, hàng hóa công nghệ tìm kiếm và khai thác nhiều hàng mới, ngành hàng mới và các nhà cung cấp mới, bảo đảm tính đa dạng, chính xác và tăng cường sự hài lòng của khách hàng.

Đẩy mạnh doanh thu dịch vụ, đặc biệt thu từ hoạt động cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc. Đây là hoạt động mang lại hiệu quả cao.

Thực hiện các chính sách khuyến mãi hấp dẫn thu hút khách hàng. Có chính sách hỗ trợ mua chuộc, tăng cường dịch vụ trước và sau bán hàng.

Vấn đề và phạm vi kinh doanh:

Tiếp tục thực hiện chiến lược đa dạng lĩnh vực ngành nghề kinh doanh như cho thuê văn phòng, mở rộng, liên kết làm dịch vụ, mở rộng dạy học, dạy nghề và sản phẩm sản xuất.

Tăng cường khai thác in các hình phẩm không phải sách giáo khoa, in tài liệu sản phẩm bao bì.

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2009.

| Chỉ tiêu | ĐVT | 31/12/2008 | 31/12/2009 |
|--|-----|------------|------------|
| Cơ cấu tài sản | | | |
| Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản | % | 35,05 | 41,56 |
| Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản | % | 64,95 | 58,44 |
| Cơ cấu nguồn vốn | | | |
| Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn | % | 50,91 | 43,63 |
| Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng tài sản | % | 49,09 | 56,37 |
| Khả năng thanh toán | | | |
| Khả năng thanh toán hiện hành | lần | 1,96 | 2,29 |
| Khả năng thanh toán nhanh | lần | 0,10 | 0,22 |
| Tỷ suất sinh lời | | | |
| Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/DT thuần | % | 4,64 | 6,57 |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/DT thuần | % | 3,40 | 5,38 |
| Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng Tài sản | % | 6,54 | 7,56 |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài sản | % | 4,79 | 6,20 |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu | % | 8,96 | 11,66 |

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009

Đơn vị tính: VNĐ

| TÀI SẢN | Tại 31/12/2009 |
|-------------------------------------|-----------------------|
| Tài sản ngắn hạn | 28.949.010.324 |
| Tiền | 2.518.365.887 |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 2.500.000.000 |
| Các khoản phải thu | 5.175.091.144 |
| Hàng tồn kho | 18.498.183.845 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 257.369.448 |
| Tài sản dài hạn | 40.701.605.208 |
| Tài sản cố định | 39.961.199.742 |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 686.490 |
| Tài sản dài hạn khác | 739.718.976 |
| | |

| NGUỒN VỐN | Tại 31/12/2009 |
|---|---------------------------|
| Nợ phải trả | 30.387.789.859 |
| Nợ ngắn hạn | 23.000.541.025 |
| Nợ dài hạn | 7.387.248.834 |
| Vốn chủ sở hữu | 39.262.825.673 |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 30.000.000.000 |
| Vốn góp hợp đồng hợp tác kinh doanh vào công ty con | 0 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 2.707.300.000 |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 106.466.945 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 3.626.201.264 |
| Quỹ dự phòng tài chính | 357.843.172 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 2.303.488.354 |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi | 161.525.938 |

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp

Mệnh giá một cổ phần: **10.000VND**

| Cổ phần | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng CP được phát hành (cổ phiếu phổ thông) | 0 | 1.000.000 |
| Số lượng CP đã phát hành (cổ phiếu phổ thông) | 1.000.000 | 0 |
| Số lượng CP đang lưu hành (cổ phiếu phổ thông) | 3.000.000 | 2.000.000 |

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: VND

| Chỉ tiêu | Năm 2009 | Năm 2008 |
|--|-----------------|-----------------|
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 72.092.466.075 | 72.435.409.892 |
| Giá vốn hàng bán | 53.773.502.905 | 59.797.505.742 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 389.785.970 | 204.456.499 |
| Chi phí hoạt động tài chính | 622.666.419 | 680.302.613 |
| Chi phí bán hàng | 9.958.799.065 | 7.375.181.171 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 3.794.789.840 | 2.964.945.008 |
| Thu nhập khác | 679.146.623 | 1.865.997.379 |
| Chi phí khác | 278.539.398 | 328.776.146 |
| Tổng lợi nhuận trước thuế | 4.733.101.041 | 3.359.153.090 |
| Thuế TNDN | 853.872.687 | 897.382.510 |
| Lợi nhuận sau thuế DN | 3.879.228.354 | 2.461.770.580 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.293 | 1.231 |

IV. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán xem chi tiết tại website danangbook.com

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập:

CN CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ DVTH MIỀN TRUNG TẠI ĐÀ NẴNG (Gọi tắt là **AISC**)

- Nội dung Báo cáo kiểm toán:

Số: 03.10.17

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Kính gửi: Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, được lập ngày 26 tháng 02 năm 2010 của CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của kiểm toán viên là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và những chuẩn mực kiểm toán quốc tế được Nhà nước Việt Nam thừa nhận. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Trên căn bản áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến số liệu và công bố trên báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những ý kiến quan

trọng đã được thể hiện bởi Ban Giám đốc Công ty cũng như việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2010

Kiểm toán viên

PHAN THỊ MỸ HUỆ

Chứng chỉ KTV số: 0536/KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

KT. Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

ĐẶNG NGỌC TÚ

Chứng chỉ KTV số: 0213/KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

- Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý): không có

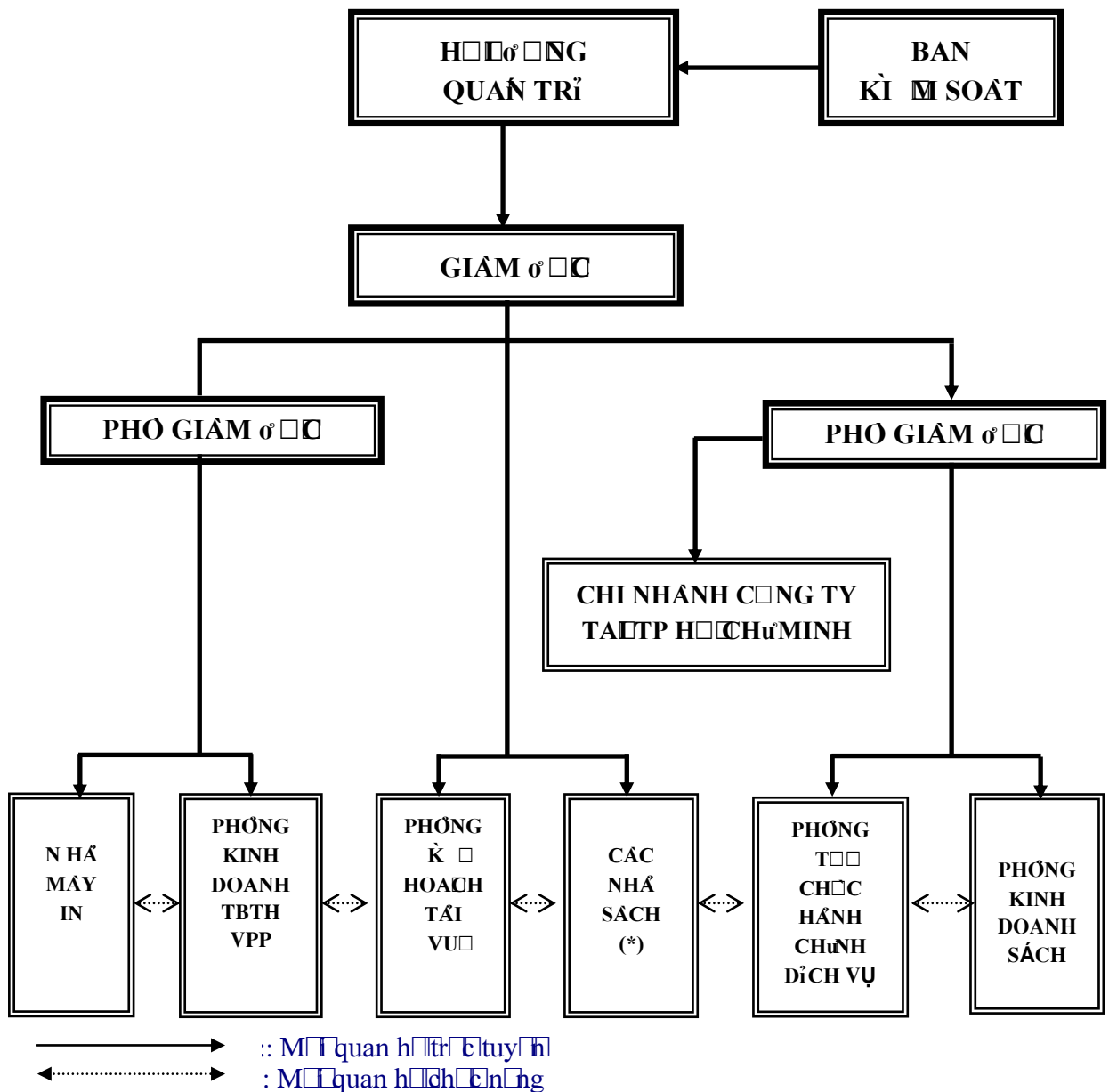
2. Kiểm toán nội bộ: Không có

VI. Các công ty có liên quan (Không có)

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan
- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan

VII. Tổ chức và nhân sự:

- Sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty:



(* Chi tiết địa chỉ các nhà sách sau:

- *1. Nhà sách ở địa chỉ tại số 76-78 Bạch Đằng, Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh.
- *2. Nhà sách ở địa chỉ tại 409 Phan Chu Trinh, Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh.
- *3. Nhà sách Hoa Khanh tại 812 Trần Hưng Đạo, Liên Chiểu, ở địa chỉ Hồ Chí Minh.
- *4. Nhà sách Công Lý tại 42 Nguyễn Huệ ở Hồ Chí Minh, quận Công Lý, thành phố Hồ Chí Minh.
- *5. Nhà sách Sông Hàn tại 44 Trần Quang Diệu, Sơn Trà, thành phố Hồ Chí Minh.
- *6. Nhà sách Sơn Trà tại quận Sơn Trà, thành phố Hồ Chí Minh

Tại thành phố Hồ Chí Minh có hai nhà sách trực thuộc quản lý của Chi nhánh Công ty là:

*1. Nhà sách ở số 193, D2, Vành đai 3, Quận Thanh Bình, TP Hồ Chí Minh

*2. Nhà sách GoDien tại số 32 GoDien, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Trong các tài sản công ty đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là

| STT | Tên tài sản | Diện tích (m ²) | Nguyên giá (đồng) |
|-----|--|-----------------------------|-----------------------|
| 1 | QSD số 44 Trại Quang Diên, Quận Trà Vinh, TP. Hồ Chí Minh | 105 | 264.096.000 |
| 2 | QSD số 76 Bạch Đằng, Quận Hải Châu, TP. Hồ Chí Minh | 744 | 3.496.908.184 |
| 3 | QSD số 76/1 Bạch Đằng, Quận Hải Châu, TP. Hồ Chí Minh | 77 | 98.752.500 |
| 4 | QSD số 78 Bạch Đằng, Quận Hải Châu, TP. Hồ Chí Minh | 309 | 1.290.862.216 |
| 5 | QSD số 42 Nguyễn Huệ, Quận Cầu Lộ, TP. Hồ Chí Minh | 480 | 1.894.429.440 |
| 6 | QSD số B4-27 Nguyễn Quý Phương, Quận Trà Vinh, TP. Hồ Chí Minh | 190 | 1.272.055.366 |
| 7 | QSD số 812 Trần Hưng Đạo, Quận Chi Lăng, TP. Hồ Chí Minh | 843 | 1.362.552.975 |
| 8 | QSD số 193, D2, Quận Thanh Bình, TP. Hồ Chí Minh | 156 | 1.072.189.942 |
| | Cộng: | 2.904 | 10.751.846.623 |

- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

1. Nguyễn Văn Cường - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

Năm sinh : 1955

Trình độ chuyên môn : **Cao học quản trị kinh doanh**

Tại ngày 06/04/2010

Có phần sở hữu (tài sản) tại ngày: **418.885 cổ phần**, tổng số phần vốn góp là **13,96%**

Có phần sở hữu của người quan: **35.450 cổ phần**, tổng số phần vốn góp là **1,18%**

2. Trần Thị Hồng - Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Phó Giám đốc Công ty.

Năm sinh : 1964

Trình độ chuyên môn : **Đại học Tài chính kế toán**

Tại ngày 06/04/2010

Có phần sở hữu: **15.810 cổ phần**, tổng số phần vốn góp là **0,53%**

Có phần sở hữu của người quan: **5.500 cổ phần**, tổng số phần vốn góp là **0,18%**

3. Hoàng Kha - Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Giám đốc Công ty.

Năm sinh : 1955

Trình độ chuyên môn : **Cấp bậc kỹ sư chuyên môn.**

Tại ngày 06/04/2010

Cấp bậc chuyên môn : **19.800 cấp bậc, tỷ lệ số cấp bậc chuyên môn v/h số h/h là 0,66%**

Cấp bậc chuyên môn của người liên quan: **100 cấp bậc, tỷ lệ số cấp bậc 0,003%**

4. Hoàng Ngọc Lạc- Thành viên Hội đồng quản trị kiêm phó Giám đốc Cty

Năm sinh : **1972**

Trình độ chuyên môn : **Cấp bậc Quản trị kinh doanh**

Tại ngày 06/04/2010

Cấp bậc chuyên môn : **15.700 cấp bậc, tỷ lệ số cấp bậc chuyên môn v/h số h/h là 0,52%**

Cấp bậc chuyên môn của người liên quan: **không có**

5. Lê Mạnh - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty.

Năm sinh : **1968**

Trình độ chuyên môn : **Cấp bậc kinh tế**

Tại ngày 06/04/2010

Cấp bậc chuyên môn : **26.625 cấp bậc, tỷ lệ số cấp bậc chuyên môn v/h số h/h là 0,89%**

Cấp bậc chuyên môn của người liên quan: **11.505 cấp bậc, tỷ lệ số cấp bậc 0,38%**

- Quyền lợi của Ban Giám đốc:

Năm 2009 Ban Giám đốc Công ty nhận tiền lương theo qui định về chế độ tiền lương đối với doanh nghiệp nhà nước và thỏa ước lao động đã đăng ký với Sở Lao động Thương binh và Xã hội

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

| Lao động | Nam | Nữ |
|-------------------------------------|------------|-----------|
| Phân theo trình độ | | |
| - Đại học, cao đẳng | 23 | 22 |
| - Trung cấp, dạy nghề | 11 | 19 |
| - Lao động phổ thông | 110 | 52 |
| Tổng | 144 | 93 |
| Phân theo phân công lao động | | |
| - Lao động quản lý | 11 | 10 |
| - Lao động trực tiếp | 133 | 83 |
| Tổng | 144 | 93 |

VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

- **Thành viên Hội đồng quản:** Hội đồng quản trị Công ty gồm có 5 thành viên là:

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ông: Nguyễn Văn Cần

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty bà: Trương Thị Hảo

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty ông : Hồ Hữu Khải

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty ông : Lê Mạnh

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty ông : Hoàng Ngọc Lộc

Thông tin tóm tắt từng thành viên xin xem ở trên.

- **Thành viên Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên, trong đó có 1 thành viên độc lập không điều hành. Thông tin tóm tắt từng thành viên như sau:

1. Huỳnh Nguyễn Văn - Trưởng ban kiểm soát Công ty.

Năm sinh : 1975

Trình độ chuyên môn : **ĐẠI HỌC KINH TẾ**

Tại ngày 06/04/2010

Có phần sở hữu : **18.860 cổ phần**, tỉ lệ sở hữu cổ phần trên vốn hùn 100,63%

Có phần sở hữu của người liên quan: **không có**

2. Kiều Thị Khánh Phương - Thành viên Ban kiểm soát Công ty.

Năm sinh : 1971

Trình độ chuyên môn : **ĐẠI HỌC KINH TẾ**

Tại ngày 06/04/2010

Có phần sở hữu : **23.000 cổ phần**, tỉ lệ sở hữu cổ phần trên vốn hùn 100,77%

Có phần sở hữu của người liên quan: **42.500 cổ phần**, tỉ lệ sở hữu 1,42%

3. Hoàng Tấn - Thành viên Ban kiểm soát Công ty.

Năm sinh : 1962

Trình độ chuyên môn : **CẤP HẠ LƯU, trung cấp lý luận chính trị**

Tại ngày 06/04/2010

Có phần sở hữu : **28.260 cổ phần**, tỉ lệ sở hữu cổ phần trên vốn hùn 100,94%

Có phần sở hữu của người liên quan: **không có**

- Hoạt động của HĐQT

Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên. Là cơ quan có thẩm quyền hạn chế hiên thực hiện quy định danh công ty quy định trong mọi lĩnh vực quản lý, mua bán, quy định của công ty, trình bày và thu thập quy định của pháp luật về công nghệ qui trình sản phẩm công nghệ. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trình pháp luật, trình ở ảnh hưởng công nghệ và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như những sai phạm trong quản lý, vi phạm pháp luật và hoạt động của công ty và vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho công ty.

- Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 3 thành viên. Thực hiện giám sát HĐQT và quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và hành công ty; chịu trách nhiệm ở ảnh hưởng công nghệ trong thực hiện các nhiệm vụ giao.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông góp vốn

Danh sách công ty tự nhiên và pháp nhân chi danh sách ngày 06/04/2010:

| Chức vụ | Số cổ phiếu CP | Giá trị (VND) | Tỷ lệ % | Số cổ phiếu Công |
|----------------------|----------------|----------------|---------|------------------|
| - Tổng số cổ phiếu | 3.000.000 | 30.000.000.000 | 100,00 | 305 |
| - Công nghệ lao động | 1.145.480 | 11.454.800.000 | 38,18 | 3 |
| Trong nước | 1.145.480 | 11.454.800.000 | 38,18 | 3 |
| Nước ngoài | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - Công nghệ cá nhân | 1.854.520 | 18.545.200.000 | 61,82 | 302 |
| Trong nước | 1.853.420 | 18.534.200.000 | 61,78 | 300 |
| Nước ngoài | 1.100 | 11.000.000 | 0,04 | 2 |

- Danh sách công nghệ nắm giữ 5% và hơn 10% vốn.

| TT | Công nghệ | Cổ phần | Tỷ lệ nắm giữ |
|----|-------------------------------------|-----------|---------------|
| 1 | Tổng Cty ở Việt và Kinh doanh và NN | 1.115.280 | 37,18% |
| 2 | Nguyễn Văn Công | 418.885 | 13,96% |

ở ảnh, ngày 15 tháng 04 năm 2010

TM HĐQT CTY CP SACH TBTH ở Ả NỊ NG

CHỦ TỊCH KÌ M GIÁM ở